

Số: *114/QĐ-UBND*

Bình Phước, ngày 16 tháng 01 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc giao biên chế công chức hành chính trong các cơ quan,
tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh Bình Phước năm 2020**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định 06/2010/NĐ-CP ngày 25/01/2010 của Chính phủ quy định về người là công chức;

Căn cứ Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ quy định về quản lý biên chế công chức; Nghị định số 110/2015/NĐ-CP ngày 29/10/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 về quản lý biên chế công chức;

Căn cứ Quyết định số 1066/QĐ-TTg ngày 22/8/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước của các cơ quan hành chính tỉnh Bình Phước năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 737/QĐ-BNV ngày 05/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh Bình Phước năm 2020;

Thực hiện Nghị quyết số 31/NQ-HĐND ngày 16/12/2019 về việc giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước của tỉnh Bình Phước năm 2020;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 24/TTr-SNV ngày 07/01/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Giao biên chế công chức trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước trên địa bàn tỉnh năm 2020 là: 1.832 biên chế (*Có Phụ lục chi tiết kèm theo*), kể từ ngày 01/5/2020.



Điều 2.

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố căn cứ vào chỉ tiêu biên chế công chức hành chính được giao để phân bổ cho các cơ quan trực thuộc. Đồng thời, sử dụng và quản lý số biên chế được giao theo đúng quy định.

2. Sở Tài chính có trách nhiệm tham mưu UBND tỉnh điều chỉnh kinh phí theo đúng chỉ tiêu được UBND tỉnh giao.

3. Giao Sở Nội vụ quản lý số biên chế dự phòng theo đúng quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc các sở, ban, ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- TTTU;
- TT. HĐND tỉnh;
- CT, PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 4;
- BTCTU;
- Sở Nội vụ (05 bản);
- LĐVP, PNC;
- Lưu: VT.(H14) *10K*



Trần Tuệ Hiền

**PHỤ LỤC GIAO BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC HÀNH CHÍNH TRONG CÁC CƠ QUAN,
TỔ CHỨC HÀNH CHÍNH NHÀ NƯỚC CỦA TỈNH BÌNH PHƯỚC NĂM 2020**
(Kèm Quyết định số 134/QĐ-UBND ngày 16/01/2020 của UBND tỉnh Bình Phước)

STT	Tên cơ quan, đơn vị	Biên chế giao năm 2020	Tỷ lệ % giảm năm 2018, 2019 và 2020	Ghi chú
A	CẤP TỈNH	946	8.3	
1	Văn phòng HĐND tỉnh	23	8.2	
2	Văn phòng UBND tỉnh	47	8.3	
3	Sở Nội vụ	63	7.9	
3.1	Khối Văn phòng Sở	33		
3.2	Ban Tôn giáo	13		
3.3	Ban Thi đua - Khen thưởng	12		
3.4	Chi cục Văn thư - Lưu trữ	5		
4	Thanh tra tỉnh	27	10.3	
5	Sở Tư pháp	27	10.3	
6	Sở Tài chính	41	7.0	
7	Sở Kế hoạch và Đầu tư	36	7.7	
8	Sở Công Thương	34	8.0	
9	Sở Giao thông vận tải	51	7.4	
10	Sở Thông tin và Truyền thông	22	8.5	
11	Sở Xây dựng	50	7.0	
11.1	Khối Văn phòng Sở	21		
11.2	Thanh tra Sở	19		
11.3	Chi cục Giám định xây dựng	10		
12	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	191	7.5	
12.1	Khối Văn phòng Sở	82		
12.2	Chi cục Kiểm lâm	94		
12.3	Chi cục Thủy lợi	15		
13	Sở Tài nguyên và Môi trường	52	7.3	
13.1	Khối Văn phòng Sở	23		
13.2	Chi cục Bảo vệ môi trường	14		
13.3	Chi cục Quản lý đất đai	15		
14	Sở Khoa học & Công nghệ	32	8.7	
15	Sở Lao động, Thương binh và Xã hội	42	8.9	
16	Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	37	7.5	
17	Sở Y tế	61	7.9	
17.1	Khối Văn phòng Sở	33		
17.2	Chi cục Vệ sinh an toàn thực phẩm	15		
17.3	Chi cục Dân số - KHH gia đình	13		



18	Sở Giáo dục và Đào tạo	49	9.3	
19	Ban Dân tộc	16	11.5	
20	Sở Ngoại vụ	16	5.9	
21	Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh	29	9.4	
B	CẤP HUYỆN	877	7.5	
1	Ủy ban nhân dân thành phố Đồng Xoài	81	8.1	
2	Ủy ban nhân dân thị xã Bình Long	78	7.3	
3	Ủy ban nhân dân thị xã Phước Long	78	7.3	
4	Ủy ban nhân dân huyện Đồng Phú	80	8.2	
5	Ủy ban nhân dân huyện Chơn Thành	81	6.0	
6	Ủy ban nhân dân huyện Hớn Quản	78	7.3	
7	Ủy ban nhân dân huyện Lộc Ninh	83	8.0	
8	Ủy ban nhân dân huyện Bù Đốp	79	7.3	
9	Ủy ban nhân dân huyện Bù Đăng	83	8.0	
10	Ủy ban nhân dân huyện Bù Gia Mập	80	7.1	
11	Ủy ban nhân dân huyện Phú Riềng	77	7.4	
C	BIÊN CHẾ DỰ PHÒNG	9		
	Tổng cộng (A+ B +C)		1832	

Ghi chú:

- UBND huyện Phú Riềng: Chỉ được sử dụng không vượt 75 biên chế (do cắt giảm ngay 10% biên chế đến năm 2021 và giảm kinh phí chi thường xuyên cho 02 biên chế/01 năm, tương đương giảm 2,5%/năm)
- Những cơ quan sau 03 năm (năm 2018, năm 2019 và năm 2020), tỷ lệ giảm chưa đạt 7,5% thì những năm tiếp theo sẽ giảm tỷ lệ cao hơn 2,5%/năm (đảm bảo mỗi cơ quan tinh giảm biên chế từ năm 2018 đến năm 2021 là 10%, tương đương mỗi năm 2,5%). Đối với những cơ quan sau 03 năm, đã đạt được tỷ lệ cắt giảm từ 10% trở lên thì đến năm 2021 sẽ không phải cắt giảm biên chế nữa như Thanh tra tỉnh, Sở Tư pháp, Ban Dân tộc./.